

Số: /2025/QĐ-CTUBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phân cấp thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 8859/TTr-STC ngày 06 tháng 12 năm 2025; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 3201/BC-STP ngày 03 tháng 11 năm 2025;

Thực hiện kết luận của UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 16/12/2025 (Thông báo số 712/TB-UBND ngày 16/12/2025); kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 16/12/2025 (Thông báo số 31-TB/ĐU ngày 16/12/2025);

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, gồm:

a) Thẩm quyền quyết định giao tài sản theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6, Điều 44 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ áp dụng đối với từng đối tượng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 8, Điều 45 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

c) Thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh cho cán bộ, công chức và đối tượng khác theo quy định tại khoản 3 Điều 10, Điều 45 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

d) Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng các tài sản công khác (không phải là nhà ở công vụ, xe ô tô, máy móc, thiết bị) theo quy định tại Điều 11, Điều 45 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

đ) Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công theo quy định tại điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm c khoản 10 Điều 14, điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm b khoản 10 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

e) Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng) theo quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 56 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp trụ sở làm việc trên địa bàn tỉnh, thành phố khác;

g) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 57 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

h) Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được thay thế bởi điểm g khoản 3 Điều 6 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

i) Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được thay thế bởi điểm g khoản 3 Điều 6 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

k) Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

l) Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 61 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

m) Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

n) Thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

o) Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các quy định riêng của Chính phủ và theo phân cấp thẩm quyền do cơ quan, người có thẩm quyền trong hệ thống cơ quan Đảng ban hành. Đối với các nội dung không quy định cụ thể tại các văn bản nêu trên, việc quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng được thực hiện theo các quy định tương ứng như đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại Quyết định này.

3. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định pháp luật có liên quan đến quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị gồm:

- a) Cơ quan nhà nước;
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập;
- c) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

d) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định giao tài sản bằng hiện vật đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản bằng hiện vật đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

3. Ngoài nội dung phân cấp tại khoản 1, khoản 2 Điều này, việc quyết định giao tài sản bằng hiện vật cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6, Điều 44 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ cho các đối tượng khoán tại đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ cho các đối tượng khoán tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh cho cán bộ, công chức và đối tượng khác tại đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh cho cán bộ, công chức và đối tượng khác tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng các tài sản công khác (không phải là nhà ở công vụ, xe ô tô, máy móc, thiết bị)

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định việc khoán kinh phí sử dụng các tài sản công khác (không thuộc phạm vi quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) tại đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc khoán kinh phí sử dụng các tài sản công khác (không thuộc phạm vi quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị mình theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 6 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ngoài nội dung phân cấp tại khoản 1, khoản 2 Điều này, việc quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 56 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) trong các trường hợp sau:

- a) Điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;
- b) Điều chuyển tài sản công từ cấp tỉnh sang cấp xã và ngược lại;
- c) Điều chuyển tài sản công giữa các xã, phường.

2. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định điều chuyển tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) giữa đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Ngoài nội dung phân cấp tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, việc quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 57 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Sở Tài chính quyết định bán tài sản công là xe ô tô, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định bán tài sản công (trừ xe ô tô) trong các trường hợp:

- a) Bán tài sản công là tài sản cố định tại đơn vị mình;
- b) Bán tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;
- c) Bán tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong

trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ sách kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định bán tài sản công trong các trường hợp:

a) Bán tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ sách kế toán tại đơn vị mình và đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ xe ô tô);

b) Trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công (trừ xe ô tô) trong các trường hợp:

a) Bán tài sản công là tài sản cố định tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Bán tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

c) Bán tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ sách kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán đối với tài sản công có nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ sách kế toán tại đơn vị mình theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP. Riêng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định bán tài sản công tại đơn vị mình theo thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

6. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại Điều này không áp dụng đối với tài sản công là đất, tài sản gắn liền với đất.

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công là xe ô tô, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định thanh lý tài sản công (trừ xe ô tô) trong các trường hợp:

a) Thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại đơn vị mình;

b) Thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

c) Thanh lý tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ sách kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định trong các trường hợp:

a) Thanh lý tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ sách kế toán tại đơn vị mình và đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ xe ô tô);

b) Trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định (trừ xe ô tô) trong các trường hợp:

a) Thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

c) Thanh lý tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ sách kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ sách kế toán tại đơn vị mình theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP. Riêng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị mình theo thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị mình theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định

tại đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị mình theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 14. Phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị mình và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 15. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị mình và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 16. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý

1. Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã làm chủ đầu tư (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

3. Ngoài nội dung phân cấp tại khoản 1, khoản 2 Điều này, việc quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định và phân cấp tại Quyết định có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp đảm bảo đúng quy định; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tổ chức thực hiện bảo đảm đúng thẩm quyền, quy trình, quy định; sắp xếp, bố trí nhân lực và các điều kiện phù hợp để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;

b) Theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành và xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý đối với các hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công; kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm người đứng đầu, tập thể, cá nhân trong trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện có vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP, quy định tại Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan;

c) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm (hoặc đột xuất theo yêu cầu hoặc khi phát sinh khó khăn, vướng mắc), báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và kiến nghị, đề xuất (nếu có) gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Quyết định này;

b) Định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (hoặc đột xuất theo yêu cầu hoặc khi phát sinh khó khăn, vướng mắc), tổng hợp, đánh giá việc thực hiện Quyết định này, báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 18;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Đảng ủy, TTr HĐND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TH₅.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Huy Thành